

Số 06 /QĐ-HH

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v. Ban hành Bộ tiêu chí văn hóa kinh doanh Việt Nam và Quy chế xét công nhận “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam”

**CHỦ TỊCH HIỆP HỘI PHÁT TRIỂN
VĂN HÓA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 1846/QĐ-TTg ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Văn hóa doanh nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban tổ chức triển khai Cuộc vận động “Xây dựng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam”;

Căn cứ Quyết định số 2179/QĐ-BNV ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc thành lập Hiệp hội Phát triển văn hóa doanh nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Hiệp hội Phát triển Văn hóa doanh nghiệp Việt Nam được Bộ Nội vụ phê chuẩn theo Quyết định số 596/QĐ-BNV ngày 04 tháng 6 năm 2014;

Thực hiện Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 1925/VPCP-KGVX ngày 23 tháng 03 năm 2021 về việc giao Chủ tịch Hiệp hội Phát triển văn hoá doanh nghiệp Việt Nam - Trưởng ban Ban tổ chức triển khai Cuộc vận động Xây dựng văn hoá doanh nghiệp Việt Nam ban hành Bộ tiêu chí văn hoá kinh doanh Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí văn hóa kinh doanh Việt Nam và Quy chế xét công nhận “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam”

Điều 2. Bộ tiêu chí Văn hoá kinh doanh Việt Nam là cơ sở để xét công nhận “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá kinh doanh Việt Nam”

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện sẽ được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận:

- Ban TGTW (để báo cáo);
- Văn phòng CP (để báo cáo);
- Các Bộ: CT, VHTTDL (để báo cáo);
- Các thành viên BTC 248;
- Lưu: VP, VNABC (30b).

CHỦ TỊCH

***Hồ Anh Tuấn**

**TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC TRIỂN KHAI
CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG VĂN
HÓA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**



BỘ TIÊU CHÍ "VĂN HÓA KINH DOANH VIỆT NAM"

Ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-HH ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Hiệp hội Phát triển văn hóa doanh nghiệp Việt Nam)

PHẦN I. CÁC ĐIỀU KIỆN BẮT BUỘC

1. Không buôn lậu, không trốn thuế
Doanh nghiệp không có thông báo, quyết định xử phạt hoặc bản án của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật liên quan đến các vấn đề buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại.
2. Không sản xuất, kinh doanh hàng giả, sản phẩm độc hại
Doanh nghiệp không có thông báo, quyết định xử phạt, bản án của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
3. Không nợ lương và BHXH của người lao động
Doanh nghiệp có xác nhận của Công đoàn và/hoặc cơ quan BHXH cho thấy doanh nghiệp hoàn tất nghĩa vụ trả lương và đóng BHXH với người lao động theo quy định (Trừ những trường hợp bất khả kháng).
4. Không lừa đảo, lợi dụng hoặc làm hại các tổ chức, cá nhân khác
Người quản lý, điều hành doanh nghiệp không bị toà án tuyên phạt do lừa đảo, lợi dụng uy tín của tổ chức hoặc cá nhân để chiếm đoạt tài sản hoặc gây hại cho các tổ chức, cá nhân khác.
5. Không vi phạm pháp luật
Không có bằng chứng cho thấy doanh nghiệp vi phạm pháp luật Việt Nam: Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật An toàn thực phẩm, Luật Bảo vệ người tiêu dùng, Luật Cạnh tranh, Luật Sở hữu trí tuệ... và các văn bản pháp luật khác mà doanh nghiệp là đối tượng điều chỉnh. Đối với các doanh nghiệp của người Việt Nam ở nước ngoài không vi phạm pháp luật nước sở tại.



PHẦN 2. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

CÁC NHÓM TIÊU CHÍ:

Nhóm 1: Lãnh đạo doanh nghiệp phát triển bền vững

Nhóm 2: Xây dựng và thực thi văn hóa doanh nghiệp

Nhóm 3: Thượng tôn pháp luật

Nhóm 4: Đạo đức kinh doanh

Nhóm 5: Trách nhiệm xã hội

NHÓM 1. LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
Tiêu chí 1. Định hướng phát triển bền vững
1. Doanh nghiệp có sứ mệnh, tầm nhìn, triết lý kinh doanh và các giá trị cốt lõi được công bố và truyền thông rộng rãi, hướng đến tất cả các bên có quyền và nghĩa vụ liên quan.
2. Doanh nghiệp có chương trình hành động cụ thể để thực thi, duy trì và phát triển các giá trị văn hoá cốt lõi của doanh nghiệp, có kết quả được ghi nhận trong hồ sơ đánh giá hàng năm.
Tiêu chí 2. Hệ thống chính sách và quy trình quản trị nội bộ
3. Doanh nghiệp có ban hành hệ thống tài liệu hướng dẫn nội bộ và áp dụng các công cụ quản lý hiện đại như Thẻ điểm cân bằng (BSC), Chỉ số đo lường và đánh giá hiệu quả hoạt động (KPI), Vùng kết quả trọng yếu (KRA), Quản trị theo Mục tiêu và Kết quả (OKR), Tiêu chuẩn ISO, Tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt (GMP), Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm (HACCP)...
4. Doanh nghiệp có bộ máy kiểm soát, kiểm toán nội bộ và tài liệu chứng minh các hoạt động kiểm soát, kiểm toán được thực hiện thường xuyên (<i>định kỳ và theo vụ việc phát sinh</i>)
5. Có bằng chứng cho thấy doanh nghiệp có hệ thống/quy trình quản trị được cải tiến khi cần thiết (<i>định kỳ và khi có những thay đổi về điều kiện và môi trường kinh doanh</i>)
Tiêu chí 3. Tư duy và năng lực đổi mới sáng tạo, khả năng thích ứng với môi trường kinh doanh

CH
Đ

6. Có bằng chứng cho thấy doanh nghiệp có các đổi mới sáng tạo được áp dụng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

7. Doanh nghiệp có các nguồn lực bao gồm tài chính, nhân lực và hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu chuyên đổi số. Có bằng chứng cho thấy nội bộ có triển khai số hóa các quy trình làm việc nhằm gia tăng hiệu suất và hiệu quả công việc.

8. Có bằng chứng cho thấy doanh nghiệp áp dụng quy trình kiểm soát rủi ro và cơ hội được cập nhật, bổ sung, sửa đổi phù hợp với những điều chỉnh của pháp luật, sự thay đổi trên thị trường và mục tiêu, chiến lược kinh doanh.

Tiêu chí 4. Bộ máy quản trị và chiến lược xây dựng đội ngũ kế thừa

9. Doanh nghiệp có bộ máy quản trị tinh gọn, hiệu quả, hướng ưu tiên vào khách hàng và có cơ chế phân cấp, phân quyền cụ thể, khoa học.

10. Doanh nghiệp có chương trình/kế hoạch thu hút, gìn giữ nhân tài, đào tạo phát triển và chuyển giao giữa các thế hệ lãnh đạo một cách bài bản, khoa học

11. Doanh nghiệp có 100% cán bộ quản lý (từ cấp trung trở lên) có lộ trình đào tạo, phát triển nghề nghiệp.

12. Mỗi vị trí quản lý (từ cấp trung trở lên) tại doanh nghiệp có ít nhất 02 ứng viên có thể thay thế khi cần thiết.

NHÓM 2. XÂY DỰNG VÀ THỰC THI VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP

Tiêu chí 5. Sự đồng thuận và làm gương của Ban lãnh đạo

13. Có bằng chứng cho thấy Ban lãnh đạo doanh nghiệp thể hiện sự nhất quán và ủng hộ lẫn nhau trong các chỉ đạo, giải quyết các vấn đề trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau, vì lợi ích của doanh nghiệp, hướng đến các giá trị văn hóa doanh nghiệp và dựa trên các quy định của pháp luật.

14. Có bằng chứng cho thấy Ban lãnh đạo doanh nghiệp làm gương, thực sự đại diện cho các giá trị cốt lõi của doanh nghiệp và thể hiện sự thay đổi tích cực hơn qua thời gian.

15. Có bằng chứng cho thấy Ban lãnh đạo doanh nghiệp luôn tôn trọng môi trường đa văn hoá trong doanh nghiệp và thể hiện sự quan tâm phát triển con người một cách bình đẳng.

Tiêu chí 6. Hệ thống truyền thông nội bộ

HỒ
BAN
ÁP
H

16. Có bằng chứng cho thấy hệ thống thông tin, giao tiếp và truyền thông nội bộ được xây dựng và tiếp cận đến với tất cả các cấp độ vị trí trong doanh nghiệp

17. Có bằng chứng cho thấy các kênh và phương thức truyền thông đa phương tiện như email, website, mạng xã hội, youtube, thư ngỏ... được áp dụng để đa dạng và tối đa hoá hiệu quả truyền thông.

18. Doanh nghiệp có bố trí nhân sự chuyên trách hoặc kiêm nhiệm (*số lượng tùy thuộc vào tổng số nhân sự của doanh nghiệp*) thúc đẩy hoạt động của các bộ phận trong doanh nghiệp hướng đến các giá trị văn hoá cốt lõi.

19. Doanh nghiệp có phân bổ ngân sách triển khai các hoạt động xây dựng văn hóa doanh nghiệp

Tiêu chí 7. Chính sách phúc lợi dành cho người lao động

20. Mức thu nhập bình quân hàng tháng trên đầu người của doanh nghiệp bằng hoặc cao hơn mức bình quân trên thị trường (so với bình quân ngành).

21. Doanh nghiệp có quy chế và chính sách được ban hành với quyền lợi tốt hơn quy định của pháp luật lao động, bao gồm: bảo hiểm, khám sức khoẻ định kỳ, kỳ nghỉ hàng năm, bồi dưỡng độc hại, đào tạo phát triển nghề nghiệp....

22. Có bằng chứng cho thấy công đoàn trong doanh nghiệp hoặc đại diện phòng/khối hành chính nhân sự hoạt động đúng luật, bảo vệ quyền lợi hợp pháp và chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật.

23. Có bằng chứng cho thấy doanh nghiệp có chính sách phúc lợi hướng đến nâng cao giá trị bản thân của người lao động và thúc đẩy việc thực thi văn hoá doanh nghiệp.

Tiêu chí 8. Sự gắn kết của đội ngũ

24. Tỷ lệ nghỉ việc của nhân viên trong doanh nghiệp thấp hơn so với tỷ lệ nghỉ việc bình quân của ngành.

25. Doanh nghiệp có tiến hành khảo sát nội bộ hàng năm và có các hành động cụ thể để nâng cao sự hài lòng của nhân viên đối với chế độ phúc lợi, cơ hội phát triển nghề nghiệp, môi trường làm việc, hệ thống quản trị...

26. Có bằng chứng cho thấy sự phối hợp thường xuyên giữa các bộ phận chức năng khác nhau trong doanh nghiệp để mang đến giá trị gia tăng cho khách hàng

Tiêu chí 9. Văn hóa học tập và phát triển nghề nghiệp

27. Doanh nghiệp có triết lý, mô hình về văn hóa học tập suốt đời được truyền thông đến từng người lao động. Có phân bổ ngân sách hàng năm cho công tác đào tạo và ban hành các quy định cụ thể có liên quan.

28. Doanh nghiệp có xây dựng và triển khai hiệu quả các chương trình đào tạo cụ thể cho từng vị trí, chức danh.

29. Doanh nghiệp có đầu tư xây dựng thư viện doanh nghiệp (thực hoặc ảo) hoặc có bằng chứng khuyến khích văn hoá đọc trong nội bộ doanh nghiệp

Tiêu chí 10. Văn hóa hội nhập quốc tế

30. Có bằng chứng cho thấy doanh nghiệp có bộ máy, nhân sự và ngân sách dành cho công tác nghiên cứu thị trường quốc tế, luật pháp kinh tế quốc tế, văn hoá kinh doanh quốc tế và hợp tác quốc tế.

31. Có các sản phẩm, dịch vụ đạt tiêu chuẩn quốc tế và được xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.

NHÓM 3. THƯƠNG TÔN PHÁP LUẬT

Tiêu chí 11. Tuân thủ quy định của pháp luật

32. Có xác nhận của cơ quan thuế cho thấy doanh nghiệp hoàn tất nghĩa vụ báo cáo tài chính, báo cáo thuế theo quy định và không nợ thuế.

33. Có xác nhận của Công đoàn cơ sở cho thấy doanh nghiệp không vi phạm thoả ước lao động tập thể.

34. Không có bằng chứng cho thấy doanh nghiệp vi phạm các hiệp định, thoả thuận, tiêu chuẩn mà Chính phủ Việt Nam ký kết với các chính phủ và tổ chức quốc tế.

Tiêu chí 12. Chính sách an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp

35. Có bằng chứng cho thấy doanh nghiệp tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và có giải pháp, quy trình ứng phó với các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, sự cố kỹ thuật, mất an toàn lao động...

36. Tất cả các thiết bị doanh nghiệp sử dụng trong sản xuất, kinh doanh có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn được kiểm định và cấp phép.

NHÓM 4. ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

Tiêu chí 13. Công bằng và cạnh tranh lành mạnh

37. Không có bằng chứng cho thấy doanh nghiệp hoặc đơn vị trực thuộc hoặc cá nhân vòi vĩnh, tham ô, hối lộ hoặc nhận hối lộ bị truy cứu trước pháp luật.

38. Không có bằng chứng cho thấy doanh nghiệp bán phá giá, chèn ép, phát ngôn hoặc cung cấp thông tin sai lệch về đối thủ cạnh tranh; không bán thầu hoặc thông thầu

39. Không có bằng chứng cho thấy doanh nghiệp lạm dụng vị trí độc quyền hay thị phần thống lĩnh thị trường để đạt lợi thế cạnh tranh.

Tiêu chí 14. Uy tín trong kinh doanh

40. Kết quả ý kiến đánh giá chất lượng sản phẩm/dịch vụ từ khách hàng theo hệ thống đánh giá đáng tin cậy, được công nhận đạt ít nhất 80%.

41. Không có bằng chứng cho thấy doanh nghiệp cố tình chây ì trong việc thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết.

NHÓM 5. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Tiêu chí 15. Chuẩn mực về quản lý môi trường

42. Có bằng chứng cho thấy doanh nghiệp triển khai đầy đủ các quy trình, quy định nhằm đảm bảo tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường.

43. Có bằng chứng cho thấy mọi quyết định quan trọng của doanh nghiệp luôn cân nhắc yếu tố tác động hoặc ảnh hưởng đến môi trường như: vệ sinh công nghiệp, vận chuyển, kho bãi, phân loại và xử lý rác thải, lựa chọn công nghệ...

Tiêu chí 16. Tham gia vào tiến trình xây dựng chính sách của Nhà nước

44. Có bằng chứng cho thấy doanh nghiệp sẵn sàng, chủ động, tích cực tham gia quá trình tham vấn và góp ý vào các đề án, quy hoạch, kế hoạch, chiến lược và chủ trương, chính sách của Nhà nước.

45. Lãnh đạo doanh nghiệp trực tiếp tham gia các diễn đàn đóng góp vào quá trình xây dựng, hoạch định chính sách của Nhà nước; hoặc thông qua các hiệp hội ngành nghề và tổ chức hợp pháp khác.

Tiêu chí 17. Hoạt động xã hội

46. Có bằng chứng chứng minh doanh nghiệp tham gia đóng góp từ thiện, hỗ trợ, phát triển cộng đồng, hoạt động vì môi trường ...bằng các hình thức khác nhau.

47. Tổng giá trị trung bình các khoản đóng góp cho cộng đồng và xã hội không thấp hơn giá trị trung bình 01 ngày lương của toàn doanh nghiệp (*tính trong 03 năm gần nhất*).

Tiêu chí 18. Chính sách với người khuyết tật và bình đẳng giới

48. Có các quy định và bằng chứng thực thi không phân biệt đối xử trong việc tuyển dụng, sử dụng nhân sự là người khuyết tật

49. Không có các quy định hạn chế quyền lợi của người lao động trong bình đẳng giới

Tiêu chí 19. Chính sách ưu tiên sử dụng nhân sự, nguyên liệu, sản phẩm, dịch vụ của Việt Nam

50. Có các chính sách khuyến khích, ưu tiên sử dụng nguyên liệu, sản phẩm, dịch vụ của Việt Nam.

51. Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, có các chính sách ưu tiên tuyển dụng, sử dụng nhân sự Việt Nam.

QUY CHẾ

XÉT CÔNG NHẬN

“DOANH NGHIỆP ĐẠT CHUẨN VĂN HÓA KINH DOANH VIỆT NAM”

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-HH ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Hiệp hội Phát triển văn hóa doanh nghiệp Việt Nam)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Định nghĩa

“*Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam*” là hình thức tôn vinh và công nhận của Hiệp hội Phát triển văn hóa doanh nghiệp Việt Nam (Hiệp hội) cho các doanh nghiệp đạt chuẩn của ***Bộ tiêu chí văn hóa kinh doanh Việt Nam*** do Chủ tịch Hiệp hội Phát triển văn hóa doanh nghiệp Việt Nam phê duyệt và ban hành theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Mục đích, ý nghĩa

- Tôn vinh và công nhận các doanh nghiệp đã áp dụng, thực thi văn hóa kinh doanh đáp ứng các chuẩn mực, tiêu chí văn hóa kinh doanh Việt Nam.

- Biểu dương khen thưởng các doanh nghiệp có thành tích xuất sắc hưởng ứng Cuộc vận động Xây dựng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ phát động.

- Thúc đẩy việc xây dựng văn hóa kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam ở trong và ngoài nước; từng bước hình thành những đặc trưng tiêu biểu của văn hóa kinh doanh Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Điều 3. Phạm vi và đối tượng

- Việc công nhận “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam” được thực hiện trên phạm vi cả nước và áp dụng cho đối tượng là các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật Việt Nam; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; doanh nghiệp của người Việt Nam ở nước ngoài.

- Tổ chức, cá nhân có liên quan đến trình tự, thủ tục xét và công nhận “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam”.

Chương II

CÁC TIÊU CHUẨN

Các doanh nghiệp được công nhận “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam” phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

Điều 4. Tiêu chuẩn bắt buộc

- Các doanh nghiệp không vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước sở tại đối với doanh nghiệp của người Việt Nam ở nước ngoài.

- Doanh nghiệp có thời gian thành lập và hoạt động tối thiểu từ 05 năm trở lên.

Điều 5. Tiêu chuẩn cụ thể

a) Doanh nghiệp được đánh giá theo các tiêu chí trong Bộ Tiêu chí văn hóa kinh doanh Việt Nam, bao gồm 5 nhóm:

- Nhóm 1. Các tiêu chí về Lãnh đạo và oanh nghi n phát tri nhóm: h doa, g há

+ Định hướng phát triển bền vững

+ Hệ thống chính sách và quy trình quản trị nội bộ

+ Tư duy và năng lực đổi mới sáng tạo, khả năng thích ứng với môi trường kinh doanh

+ Bộ máy quản trị và chiến lược xây dựng đội ngũ kế thừa

- Nhóm 2. Các tiêu chí về Xây dựng và thực thi văn hóa doanh nghiệp, gồm:

+ Sự đồng thuận và làm gương của Ban lãnh đạo

+ Hệ thống truyền thông nội bộ

+ Chính sách phúc lợi dành cho người lao động

+ Sự gắn kết của đội ngũ

+ Văn hóa học tập và phát triển nghề nghiệp

+ Văn hóa hội nhập quốc tế

- Nhóm 3. Các tiêu chí về Thượng tôn pháp luật, gồm:

+ Tuân thủ quy định của pháp luật

- + Chính sách an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp
- Nhóm 4. Các tiêu chí về Đạo đức kinh doanh, gồm:
 - + Công bằng và cạnh tranh lành mạnh
 - + Uy tín trong kinh doanh
- Nhóm 5. Các tiêu chí về Trách nhiệm xã hội, gồm:
 - + Chuẩn mực về quản lý môi trường
 - + Tham gia vào tiến trình xây dựng chính sách của Nhà nước
 - + Hoạt động xã hội
 - + Chính sách với người khuyết tật và bình đẳng giới
 - + Chính sách ưu tiên sử dụng nhân sự, nguyên liệu, sản phẩm, dịch vụ của Việt Nam

b) Điểm chuẩn để được công nhận “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam” được quy định hàng năm dựa theo yêu cầu thực tế tuy nhiên đảm bảo nguyên tắc: không thấp hơn 80% tổng số điểm trong thang điểm đánh giá.

c) Các doanh nghiệp chưa đạt điểm chuẩn theo quy định nhưng nếu có điểm cao ở một trong 05 nhóm tiêu chí văn hóa kinh doanh sẽ được xem xét khen thưởng, tôn vinh ở từng nhóm tiêu chí.

CHƯƠNG III

HÌNH THỨC, THỜI GIAN TÔN VINH VÀ CƠ QUAN CÔNG NHẬN

Điều 6. Hình thức

a) Căn cứ theo số điểm đánh giá, các doanh nghiệp được xét đạt “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam” và xếp hạng theo Top 10, Top 50, Top 100.

Ghi chú: Số lượng các mức xếp hạng được quyết định tùy theo số lượng doanh nghiệp tham gia hàng năm.

b) Căn cứ theo số điểm đánh giá, các doanh nghiệp đạt điểm đủ điều kiện được công nhận “Doanh nghiệp tiêu biểu” theo các nhóm tiêu chí:

- Lãnh đạo doanh nghiệp phát triển bền vững
- Xây dựng và thực thi văn hóa doanh nghiệp
- Đạo đức kinh doanh

- Thượng tôn pháp luật

- Trách nhiệm xã hội

Điều 7. Thời gian tổ chức

Việc tôn vinh “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam” được thực hiện hàng năm vào dịp Ngày Văn hoá doanh nghiệp Việt Nam (ngày 10/11) và có giá trị là 03 (ba) năm kể từ ngày được công nhận.

Điều 8. Cơ quan công nhận

Hiệp hội là cơ quan công nhận và cấp:

- Chứng nhận “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam” đối với các doanh nghiệp Top 10, Top 50, Top 100.

- Bằng khen cho các “Doanh nghiệp tiêu biểu” ở từng nhóm tiêu chí văn hóa kinh doanh.

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ ĐĂNG KÝ, XÉT DUYỆT VÀ CÔNG NHẬN

Điều 9. Cơ cấu tổ chức

- Hiệp hội thành lập Hội đồng quốc gia (gọi tắt là Hội đồng) xét duyệt “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam” và Ban thư ký. Ban thư ký là cơ quan thường trực của Hội đồng.

- Hội đồng có trách nhiệm soạn thảo và đề xuất Hiệp hội ban hành Quy định cụ thể cho từng năm.

Điều 10. Trình tự đăng ký, đánh giá, xét duyệt và công nhận

a) Đăng ký: Trước tháng 4 hằng năm, Hiệp hội thông báo rộng rãi Quy định cụ thể cho từng năm trên website và fanpage của chương trình “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam” để các doanh nghiệp đăng ký trong tháng 4 và tháng 5.

b) Sơ tuyển: Trong tháng 6 hằng năm, Cơ quan thường trực Hội đồng căn cứ Quy định để tổ chức sơ tuyển lựa chọn các doanh nghiệp đủ điều kiện vào vòng xét duyệt.

c) Xét duyệt: Từ tháng 07 đến tháng 10, Hội đồng tổ chức thẩm định, đánh giá, xét duyệt, đề xuất công nhận.

d) Công bố: Căn cứ đề xuất của Hội đồng, Hiệp hội trình Ban tổ chức Cuộc vận động Xây dựng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam (BTC 248) và ra quyết định công nhận sau khi có phê duyệt của BTC 248.

Điều 11. Yêu cầu hồ sơ đăng ký tham gia

- Phiếu đăng ký tham gia xét công nhận “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam” theo mẫu.
- Báo cáo tự đánh giá doanh nghiệp đối chiếu với Bộ tiêu chí văn hóa kinh doanh Việt Nam.
- Các bằng chứng chứng minh doanh nghiệp đạt các tiêu chí trong Bộ tiêu chí văn hóa kinh doanh Việt Nam.

CHƯƠNG V

QUYỀN LỢI VÀ QUY ĐỊNH XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 12. Quyền lợi

a) Quyền lợi tôn vinh

- Được tôn vinh và cấp chứng nhận theo các quy định tại Chương III của Quy chế này
- Hiệp hội chính thức báo cáo thành tích với Lãnh đạo Đảng và Nhà nước
- Được tôn vinh, quảng bá, giới thiệu trong hệ thống tuyên truyền của Cuộc vận động “Xây dựng văn hóa doanh nghiệp” do Thủ tướng Chính phủ phát động.

b) Tham gia các hoạt động, các sự kiện

- Tham gia Câu lạc bộ “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam”.
- Được mời diễn thuyết, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm xây dựng văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp trong khuôn khổ các hoạt động triển khai Cuộc vận động “Xây dựng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam” do Thủ tướng Chính phủ phát động ở trong và ngoài nước.

- Các hội thảo, chuyên đề, tọa đàm, thảo luận trực tuyến, tiệc Gala dinner, giải Golf VNABC... nhằm giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm, tìm kiếm cơ hội hợp tác, đầu tư, kinh doanh.

c) Quyền lợi truyền thông, quảng bá

- Được sử dụng logo của chương trình “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam” trong quảng bá, giới thiệu hình ảnh của doanh nghiệp.
- Được đăng logo, bài viết về doanh nghiệp trên website chương trình “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam” và Tạp chí Văn hóa doanh nghiệp.

d) Quyền lợi khác

- Được hưởng các cơ chế, chính sách ưu tiên dành cho “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam”.

Điều 13. Quy định xử lý các trường hợp vi phạm

Trong trường hợp doanh nghiệp được công nhận “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam” vi phạm các quy định của pháp luật, sự công nhận này mặc nhiên không còn giá trị.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Sửa đổi bổ sung

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Trong quá trình tổ chức thực hiện, Quy chế có thể được bổ sung, sửa đổi phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận:

- Ban TGTW (để báo cáo);
- Văn phòng CP (để báo cáo);
- Các Bộ: CT, VHTTDL (để báo cáo);
- Thành viên BTC 248;
- Lưu VT, VNABC (30)

CHỦ TỊCH

Hồ Anh Tuấn
TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC TRIỂN KHAI
CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG VĂN HÓA
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

CHÍNH